

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 194/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-6-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Hận.

Ông Nguyễn Công Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Chiến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1970 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1968 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị C trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn A tự nguyện kết hôn vào năm 1989, không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và tự sống

riêng với nhau, do điều kiện không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông A.

Về con chung của bà và ông A có hai người hiện đã thành niên nên không đặt ra.

Về tài sản bà không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Ý kiến ông Nguyễn Văn A: Do điều kiện bận công việc làm ăn xa nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông và ông không đặt ra ý kiến yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của bà Lê Thị C được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn A có yêu cầu vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà C và ông A.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông A được xác lập vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Do quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông A không đăng ký theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà C và ông A là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà C và ông A có hai người con chung hiện đã thành niên nên không đặt ra.

[5] Về tài sản: Bà C và ông A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị C là nguyên đơn trong vụ án xin ly hôn nên bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của

Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, phần tạm ứng án phí bà C đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị C và ông Nguyễn Văn A là vợ chồng.

Về con chung: Không đặt ra.

Về tài sản: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bà Lê Thị C phải chịu phải chịu 300.000 đồng, bà C đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006381 ngày 17/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải